

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08B/QĐ-UBND

Hưng Hội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2026 của xã Hưng Hội

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 cho xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 14A/TTr-PKT ngày 12/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Hưng Hội (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

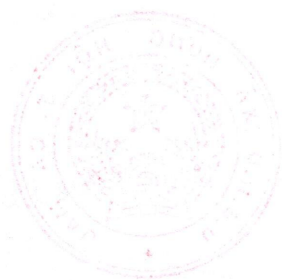
Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng tế xã, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã
- Các phòng, ban thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký Trọng Nghĩa



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HỘI

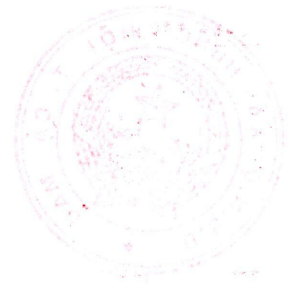
Biểu số 81/CK-NSNN



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	113.779
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	340
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	340
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu chuyển nguồn làm lương	
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	113.439
-	Thu bổ sung cân đối	102.823
-	Thu bổ sung có mục tiêu	10.616
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	113.779
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	113.779
1	Chi đầu tư phát triển	14.057
2	Chi thường xuyên	97.699
3	Dự phòng ngân sách	2.023
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
	Trong đó chi đầu tư XD CB	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HỘI

Biểu số 82/CK-NSNN



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	113.779
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	340
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	113.439
-	Thu bổ sung cân đối	102.823
-	Thu bổ sung có mục tiêu	10.616
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	113.779
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	113.779
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HỢI

Biểu số 83/CK-NSNN



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	600	340
I	Thu nội địa	600	340
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế giá trị gia tăng		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		
	- Thuế giá trị gia tăng		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế Tài nguyên		
	- Thu khác		
5	Thuế thu nhập cá nhân		
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	220	
8	Thu phí, lệ phí	200	200
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	10	
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	170	140
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
18	Thu tại xã		
II	Thu viện trợ		





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	113.779
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	113.779
I	Chi đầu tư phát triển	14.057
	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
	Chi bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
		14.057
II	Chi thường xuyên	97.699
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	54.715
2	Chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	236
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.421
4	Chi văn hóa thông tin	1.230
5	Chi phát thanh, truyền hình	100
6	Chi thể dục thể thao	100
7	Chi bảo vệ môi trường	150
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.280
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	20.863
10	Chi bảo đảm xã hội	8.785
11	Chi quốc phòng	2.364
12	Chi An ninh, trật tự an toàn xã hội	1.149
13	Chi khác ngân sách	1.306
III	Dự phòng ngân sách	2.023
IV	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	





Biểu số 88/CK-NSNN

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

S T T		Tên đơn vị	Trong đó													Đơn vị tính: Triệu đồng	
			Tổng số	Chi GD-ĐT và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội		
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12	13	
		TỔNG SỐ	97.699	54.715	236	2.364	1.149	1.421	1.230	100	100	150	4.993	20.863	8.785	1.306	
I		CÁC CƠ QUAN CẤP XÃ	89.091	52.806	156	2.364	1.149	1.421	1.230	100	100	0	0	20.199	8.435	270	
1		Văn phòng Đảng ủy	4.898											4.898			
2		Ủy ban Mặt trận tổ quốc VN	3.278						90					3.188			
3		Văn phòng HĐND và UBND	10.736			2.364	1.149							6.983		240	
4		Phòng Kinh tế	1.936											1.911	25		
5		Phòng Văn hóa - Xã hội	11.792					1.421						1.775	8.410	30	
6		Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.221											1.221			
7		Trung tâm Công ích	1.324						1.124	100	100						
8		Mầm Non Hoà Mỹ	5.479	5.479													
9		Mầm Non Hướng Dương	4.672	4.672													
10		TH Trần Quốc Toàn	6.372	6.372													
11		TH Hoàng Hoa Thám	5.829	5.829													
12		TH Lê Quý Đôn	6.593	6.593													
13		TH Hoàng Quân	7.042	7.042													
14		THCS Hưng Hội	7.864	7.864													
15		THCS Hưng Thành	8.955	8.955													
16		Thực hiện tiết kiệm 10% CCTL	1.100	574					16				287	223			
II		CHI MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHI KHÁC THEO CHẾ ĐỘ	8.608	1.335	80	0	0	0	0	0	0	150	4.993	664	350	1.036	

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

